

2024-2025 年度第二學期中四及中五級補課

附件一

1. 補課時間為 4:10 pm – 5:00 pm，除非特別列明，否則上課地點為原課室。(中五級英文科補課時間：4:10 pm – 6:00 pm)
2. 中五級上課地點或在三月有更改，屆時再作宣佈。
3. 沒有修讀 M1 或 X3 的同學，若沒有參與其他活動，可以放學後離校。

	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur	Tue	Thur		
Date	11/2	13/2	18/2	20/2	25/2	27/2	4/3	6/3	11/3	13/3	18/3	20/3	25/3	27/3	1/4	3/4	8/4	10/4	15/4	17/4		
5A	Ma.	Eng.	X1	X2	Chi	Eng.	CSD	X1	M1	畢業禮 彩排 (夏令時間)	Ma.	X2	Chi	Eng.	Ma.	M1	X2	Eng.	Chi	教師發 展日		
5B	Ma.	Eng.	X1	X2	Chi	Eng.	CSD	X1			Ma.	X2	Chi	Eng.	Ma.		X2	Eng.	Chi			
5C	Ma.	Eng.	X1	X2	Chi	Eng.	CSD	X1			Ma.	X2	Chi	Eng.	Ma.		X2	Eng.	Chi			
5D	Ma.	Eng.	X1	X2	Chi	Eng.	CSD	X1			Ma.	X2	Chi	Eng.	Ma.		X2	Eng.	Chi			
4A	/	/	/	/	/	/	/	/	/		X2	Ma.	Eng.	Chi	X1	Chi	Eng.	Ma.	X3			
4B	/	/	/	/	/	/	/	/	/		X2	Outing	Eng.	Chi	X1	Outing	Eng.	Outing	X3			
4C	/	/	/	/	/	/	/	/	/		X2	Outing	Eng.	Chi	X1	Outing	Eng.	Outing	X3			
4D	/	/	/	/	/	/	/	/	/		X2	Ma.	Eng.	Chi	X1	Chi	Eng.	Ma.	X3			
Date	29/4	1/5	6/5	8/5	13/5	15/5	20/5	22/5	27/5		29/5											
5A	Ma.	勞動節	M1	Eng.	CSD	X1	Ma.	Eng.	Chi		Chi											
5B	Ma.			Eng.	Chi	X1	Ma.	Eng.	Chi	CSD												
5C	Ma.			Eng.	Chi	X1	Ma.	Eng.	Chi	CSD												
5D	Ma.			Eng.	Chi	X1	Ma.	Eng.	Chi	CSD												
4A	Eng.		X3	Ma.	Eng.	Ma.	X1	Chi	Eng.	X2												
4B	Eng.		X3	Ma.	Eng.	Ma.	X1	Chi	Eng.	X2												
4C	Eng.		X3	Ma.	Eng.	Ma.	X1	Chi	Eng.	X2												
4D	Eng.		X3	Ma.	Eng.	Ma.	X1	Chi	Eng.	X2												

F5

X1	Bio. (Lab/5A) KY	T&H (5B) SKY	Hist. (5C) LSL4	Eco. (5D) TPM	Phy. (Lab/A501a) HSM	M1 (Room 505) LNH	
X2	Chem. (Lab/5A) KY	Geog. (5B) WKY2	BF(Acct) (5C) YTM	BF(BM) (5D) YWK	C. Hist (A501a) YCK	ICT (Comp. Rm.) HKK	

F5 Eng---Hall

F4

X1	BF(BM) (4A) YTM	BF(Acct) (4B) YWK	T&H (4C) CYY2	Hist. (4D) WWS	Phy. (Lab) HSM
X2	Eco. (4A) TPM	Geog. (4B) CYY2	C. Hist (4D) PKY2	ICT (Comp. Rm.) LYN	Chem. (Lab) IWP
X3	Bio. (Lab) CWF	M1 (4A) WYT			

English

LKM4	Rm 402 (Gp. 1)
TST	Rm 403 (Gp. 2)
LSY4	Rm 404 (Gp. 3)
CHW	Rm A301 (Gp. 4)